

ĐỀ 1 - THI NGOẠI LẦN 1

Y2- YHDP 2- RHM 2 (NH 2014-2015) NGÀY 20/06/2015 (30 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì, bút xóa và mực đỏ

Câu 1. Nhiễm trùng vết mổ là :

- a. Nhiễm trùng xuất hiện tại vết mổ trong vòng 1 tuần sau mổ
- b. Nhiễm trùng xuất hiện tại vết mổ trong vòng 2 tuần sau mổ
- c. **Nhiễm trùng xuất hiện tại vết mổ trong vòng 1 tháng sau mổ**
- d. Nhiễm trùng xuất hiện tại vết mổ trong vòng 2 tháng sau mổ
- e. Nhiễm trùng xuất hiện tại vết mổ trong vòng 1 năm sau mổ

Câu 2. Nhiễm trùng vết mổ sâu là :

- a. Nhiễm trùng mô tổ chức dưới da
- b. **Nhiễm trùng mô cơ thành bụng** (qua khỏi lớp cân)
- c. Nhiễm trùng giữa các quai ruột
- d. Nhiễm trùng giữa các tạng
- e. Nhiễm trùng huyết

Câu 3. Tác nhân gây nhiễm trùng vết mổ hay gặp tại các nước đang phát triển:

- a. Vi khuẩn gram dương
- b. Vi khuẩn gram âm
- c. Cầu khuẩn gram dương
- d. **Trực khuẩn gram âm**
- e. Vi khuẩn kỵ khí

Câu 4. Cấu tạo một ổ áp xe nóng gồm có :

- a. Vách bao có 1 lớp và bọc chứa
- b. Vách bao có 2 lớp và bọc chứa
- c. **Vách bao có 3 lớp và bọc chứa**
- d. Vách bao và bọc chứa có 2 lớp
- e. Vách bao và bọc chứa có 3 lớp

Câu 5. Cấu tạo một ổ áp xe lạnh gồm có:

- a. ổ mủ và lớp vỏ bao bảo vệ
- b. ổ mủ không có vỏ bao
- c. **ổ mủ và lớp tổn thương lao bao quanh**
- d. ổ mủ và lớp bã đậu bao quanh
- e. ổ mủ và lớp hoại tử bao quanh

Câu 6. Hậu bối là :

- a. **Cụm nhọt tập trung, có ổ nhiễm trùng và các áp xe vệ tinh**
- b. Viêm tấy mô tế bào lan tỏa do tác nhân liên cầu
- c. Viêm tấy lan tỏa do vi khuẩn kỵ khí
- d. Nhiễm trùng cấp tính của hạch bạch huyết
- e. Nhiễm trùng ở người dùng ma túy đường chích

Câu 7. Nói về viêm bạch mạch hoại thư, chọn câu SAI :

- a. Thường do vi khuẩn kỵ khí
- b. Thường gây nhiễm trùng nhiễm độc nặng
- c. **Thường có bóng nước chứa mủ vàng**

dịch nâu đỏ

Cách chọn: chọn A →

<input checked="" type="checkbox"/>	A	B	C	D	E
-------------------------------------	---	---	---	---	---

Bỏ A, chọn D →

<input type="checkbox"/>	A	B	C	<input checked="" type="checkbox"/>	D	E
--------------------------	---	---	---	-------------------------------------	---	---

(KHÔNG ĐƯỢC chọn lại câu đã bỏ)

ĐỀ 1 - THI NGOẠI LẦN 1

Y2- YHDP 2- RHM 2 (NH 2014-2015) NGÀY 20/06/2015 (30 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì, bút xóa và mực đỏ

- d. Thường có nổi hạch vệ tinh
- e. Thường có tiên lượng xấu

Câu 8. Chỉ định phẫu thuật sẽ nguy hiểm trong trường hợp nào sau đây:

- a. Áp xe nóng
- b. Khối tụ mủ
- c. Hoại thư sinh hơi
- d. **Giả phình mạch**
- e. Viêm mô tế bào

Câu 9. Nhọt thường do tác nhân nào gây nên:

- a. Escherichia coli
- b. **Staphylococcus aureus**
- c. Streptococcus pneumoniae
- d. Streptococcus pyogenes
- e. Pseudomonas aeruginosa

Câu 10. Tỷ lệ khuẩn mức độ trung bình là :

- a. Tiêu diệt được toàn bộ vi sinh vật và một số bào tử
- b. Tiêu diệt được vi khuẩn, virus, nấm trừ vi khuẩn lao
- c. **Tiêu diệt được vi khuẩn kể cả vi khuẩn lao**
- d. Tiêu diệt được vi khuẩn thường
- e. Đồng nghĩa với làm sạch

Câu 11. Phương pháp dùng để diệt khuẩn ống nội soi tiêu hóa là:

- a. Hóa chất Formaldehyde
- b. Phương pháp Pasteur
- c. Chiếu tia cực tím
- d. **Hóa chất Cidex**
- e. Khí Ethylen oxide

Câu 12. Trong thực hành rửa tay để phòng chống nhiễm khuẩn, cần phải:

- a. Rửa tay trước khi thăm khám bệnh nhân
- b. Rửa tay ở 3 thời điểm
- c. Rửa tay ở 4 thời điểm
- d. **Rửa tay ở 5 thời điểm**
- e. Rửa tay ở 6 thời điểm

Câu 13. Nói về phương pháp Pasteur trong phòng chống nhiễm khuẩn, CHỌN CÂU ĐÚNG:

- a. Áp dụng cho người bệnh
- b. Áp dụng cho dụng cụ y khoa dùng một lần
- c. Áp dụng cho dụng cụ y khoa thiết yếu
- d. Áp dụng cho dụng cụ y khoa bán thiết yếu
- e. **Áp dụng cho dụng cụ y khoa chịu nhiệt**

Cách chọn: chọn A →

<input checked="" type="checkbox"/>	B	C	D	E
<input type="checkbox"/>	B	C	<input checked="" type="checkbox"/>	E

Bỏ A, chọn D →

(KHÔNG ĐƯỢC chọn lại câu đã bỏ)

ĐỀ 1 - THI NGOẠI LẦN 1
Y2- YHDP 2- RHM 2 (NH 2014-2015) NGÀY 20/06/2015 (30 PHÚT)
Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì, bút xóa và mực đỏ

Câu 14. Nói về phương pháp Pasteur trong phòng chống nhiễm khuẩn, CHỌN CÂU ĐÚNG:

- a. Cần nhiệt độ trên 75°C trong 15 phút
- b. **Cần nhiệt độ trên 75°C trong 30 phút**
- c. Cần nhiệt độ trên 100°C trong 15 phút
- d. Cần nhiệt độ trên 100°C trong 30 phút
- e. Cần nhiệt độ trên 75°C và áp lực

Câu 15. Để diệt khuẩn kể cả dạng bào tử, cần áp dụng biện pháp nào sau đây:

- a. Đun nước 100°C, trong 15 phút
- b. Lò hấp 120°C trong 30 phút
- c. **Lò hấp 120°C trong 45 phút**
- d. Lò sấy 160°C trong 30 phút
- e. Lò sấy 160°C trong 15 phút

Câu 16. Để sát khuẩn vùng da lành, ta có thể dùng các dung dịch sau đây, NGOẠI TRỪ:

- a. Thuốc đỏ
- b. Betadine
- c. Cồn 70°
- d. Cồn 90°
- e. **Nước Dakin**

Câu 17. Sắp xếp thứ tự (kể từ lúc bắt đầu) các giai đoạn của quá trình lành vết thương. A: Giai đoạn viêm. B: Giai đoạn tạo cục máu đông. C: Giai đoạn biểu bì hóa. D: Giai đoạn tổ chức lại. E: Giai đoạn tạo mô sợi

- a. ABCDE
- b. CABED
- c. **BAECD**
- d. ACDEB
- e. BACDE

Câu 18. Làm tăng mô sợi ở vết thương là vai trò của:

- a. GF biểu bì (EGF) (TB keratin) - kích thích keratin phân chia biệt hoá -> biểu bì hoá
- b. **GF biến thể-β (TGF-β) tăng sinh mô sợi**
- c. **GF nguyên bào sợi (FGF) tăng sinh mạch máu**
- d. Yếu tố từ tiểu cầu (PDGF) sản xuất collagen - tổ chức lại mô
- e. GF tế bào keratin (KGF) (nguyên bào sợi) - kích thích keratin phân chia biệt hoá -> biểu bì hoá

Câu 19. Các yếu tố làm thiếu máu nuôi vết thương, NGOẠI TRỪ:

- a. Co thắt mạch máu
- b. Đường khâu quá chặt
- c. **Thuốc corticoids vết thương chậm lành do suy giảm phản ứng viêm**
- d. Suy giảm thể tích tuần hoàn
- e. Nghẽn tắc mạch máu

Cách chọn: chọn A →
 Bỏ A, chọn D →

<input checked="" type="checkbox"/>	B	C	D	E
<input type="checkbox"/>	B	C	<input checked="" type="checkbox"/>	E

(KHÔNG ĐƯỢC chọn lại câu đã bỏ)

ĐỀ 1 - THI NGOẠI LẦN 1

Y2- YHDP 2- RHM 2 (NH 2014-2015) NGÀY 20/06/2015 (30 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì, bút xóa và mực đỏ

Câu 20. Đặc trưng của giai đoạn viêm trong quá trình lành vết thương là:

- a. **Tăng tính thấm mạch máu.**
- b. Di chuyển tế bào viêm ra khỏi vết thương.
- c. Ức chế sản xuất chất trung gian và các yếu tố tăng trưởng.
- d. Bất hoạt của tế bào viêm tại nơi vết thương.
- e. Bạch cầu đa nhân trung tính đến vết thương sau cùng. **đầu tiên, đạt đỉnh 24-48h**

Câu 21. Nói về giai đoạn tạo mô sợi trong quá trình lành vết thương, CHỌN CÂU ĐÚNG:

- a. Bắt đầu từ ngày thứ 30. **ngày 4-12**
- b. Nguyên bào sợi và tế bào nội mô xâm nhập VT dưới tác động của TGF- β . **FGF**
- c. **Nguyên bào sợi đến VT tăng sinh, tổng hợp chất nền và tổ chức lại.** **(dưới tác động PDGF)**
- d. Tế bào nội mô đến vết thương tăng sinh, thông qua các yếu tố tăng trưởng ức chế sự hình thành mao mạch mới.
- e. Collagen không đóng vai trò nào trong giai đoạn này. **collagen type III (tái tạo) và type I (biểu bì hoá)**

Câu 22. Nói về giai đoạn biểu bì hóa trong quá trình lành vết thương, CHỌN CÂU ĐÚNG:

- a. Bắt đầu 10 ngày sau tổn thương. **1 ngày**
- b. **Đặc trưng bởi sự tăng sinh và di chuyển tế bào thượng bì đến mép vết thương.**
- c. Tế bào đáy bắt đầu phân chia ngay từ khi lớp thượng bì chưa dính lại với nhau.
- d. Fibronectin được tổng hợp từ bạch cầu đa nhân trung tính, giúp cho sự liên kết giữa tế bào, sợi collagen. **từ nguyên bào sợi và TB biểu mô BC ĐNTT sx collagenase và TGF α**
- e. Quá trình biểu bì hóa hoàn thành sau 48 giờ đối với vết thương hở, lớn **48g đối với VT nhỏ gọn**

Câu 23. Nói về yếu tố PDGF trong quá trình lành vết thương, CHỌN CÂU ĐÚNG:

- a. Do tế bào Lympho T tổng hợp và phóng thích. **do thực bào, TB nội mô, nguyên bào sợi TH**
- b. Xuất hiện vào giai đoạn tổ chức lại. **giai đoạn viêm (ngay sau tổn thương)**
- c. Ngăn cản bạch cầu đa nhân trung tính, thực bào và nguyên bào sợi đến vết thương. **thu hút**
- d. Ức chế nguyên bào sợi sản xuất collagenase.
- e. **Có vai trò quan trọng trong việc tổ chức lại mô.**

Câu 24. Bỏng do tia tử ngoại được xếp vào nhóm:

- a. Bỏng do nhiệt độ cao
- b. Bỏng do hóa chất
- c. Bỏng do ánh sáng
- d. **Bỏng do bức xạ**
- e. Bỏng do nhiệt độ thấp

Câu 25. Bệnh nhân bị bỏng có nguy cơ giảm thể tích tuần hoàn là do:

- a. Nôn ói nhiều
- b. Sốt cao
- c. Tiểu ra máu
- d. Chảy máu tiêu hóa
- e. **Thoát huyết tương**

Cách chọn: chọn A →

<input checked="" type="checkbox"/>	B	C	D	E
<input type="checkbox"/>	B	C	<input checked="" type="checkbox"/>	E

Bỏ A, chọn D →

(KHÔNG ĐƯỢC chọn lại câu đã bỏ)

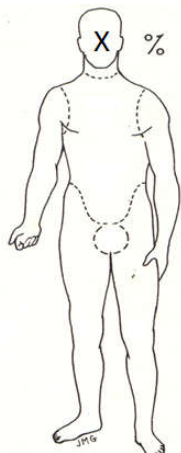
ĐỀ 1 - THI NGOẠI LẦN 1

Y2- YHDP 2- RHM 2 (NH 2014-2015) NGÀY 20/06/2015 (30 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì, bút xóa và mực đỏ

Câu 26. Theo nguyên tắc tính diện tích bỏng (hình vẽ), toàn bộ vùng đầu mặt cổ (chữ X) là bao nhiêu %:

- a. 1
- b. 4.5
- c. **9**
- d. 18
- e. 27



Câu 27. Bệnh nhân bị bỏng nước sôi mặt trước vùng đầu mặt cổ và mặt trước ngực. Diện tích bỏng của bệnh nhân này là (theo luật số 9)

- a. 9%
- b. 18%
- c. **22.5%**
- d. 27%
- e. 36%

Câu 28. Nguyên nhân bỏng nào chiếm tỉ lệ cao nhất

- a. Tia cực tím
- b. Hóa chất
- c. Phóng xạ
- d. Điện
- e. **Sức nóng**

Câu 29. Nói về nguyên tắc sơ cứu ban đầu khi gặp bệnh nhân bỏng, CHỌN CÂU SAI:

- a. Loại bỏ ngay nguyên nhân gây bỏng
- b. **Cho bệnh nhân bù nước đường uống gấp**
- c. Bảo vệ vết bỏng tránh nhiễm trùng
- d. Giữ ấm cho bệnh nhân, giảm đau
- e. Chuyển bệnh nhân gấp đến BV gần nhất

Câu 30. Nói về điều trị cấp cứu bỏng từ độ II trở lên, những thuốc sau đây nên dùng ngay từ đầu, NGOẠI TRỪ:

- a. SAT
- b. **VAT**
- c. Kháng sinh
- d. Giảm đau
- e. An thần

Cách chọn: chọn A →

<input checked="" type="checkbox"/>	A	B	C	D	E
<input type="checkbox"/>	A	B	C	<input checked="" type="checkbox"/>	E

Bỏ A, chọn D →

(KHÔNG ĐƯỢC chọn lại câu đã bỏ)

ĐỀ 1 - THI NGOẠI LẦN 1

Y2- YHDP 2- RHM 2 (NH 2014-2015) NGÀY 20/06/2015 (30 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì, bút xóa và mực đỏ

Câu 31. Nói về nguyên tắc sơ cứu ban đầu khi gặp bệnh nhân bỏng, CHỌN CÂU SAI:

- a. Loại bỏ ngay nguyên nhân gây bỏng
- b. **Cho bệnh nhân bù nước đường uống gấp**
- c. Bảo vệ vết bỏng tránh nhiễm trùng
- d. Giữ ấm cho bệnh nhân, giảm đau
- e. Chuyển bệnh nhân gấp đến BV gần nhất

Câu 32. Phẫu thuật trên bệnh nhân bị đa hồng cầu có nguy cơ gì sau mổ?

- a. **Tắc mạch** tắc mạch, tai biến, dễ chảy máu
- b. Thiếu máu Điều trị:
- c. Nhiễm trùng - trích huyết mục tiêu Hct < 52%
- d. Thiếu oxy mô - Thuốc ức chế tuỷ (Hydroxyurea)
- e. Suy tủy

Câu 33. Phẫu thuật trên bệnh nhân AIDS có những nguy cơ sau đây, NGOẠI TRỪ:

- a. Dễ nhiễm trùng sau mổ
- b. **Dễ chảy máu**
- c. Chậm lành vết mổ
- d. Khó lành chỗ khâu nối
- e. Có khả năng lây nhiễm chéo

Câu 34. Bệnh về hô hấp có ảnh hưởng khi gây mê để mổ và sau mổ là

- a. Viêm họng
- b. Viêm xoang
- c. Viêm mũi
- d. **Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính**
- e. Viêm phế quản mạn

Câu 35. Theo phân độ ASA của hiệp hội gây mê Hoa Kỳ (1963), ASA 5 là:

- a. Bệnh nhân có bệnh toàn thân nặng, nằm liệt giường ASA 4
- b. Bệnh nhân cần sự giúp đỡ về y tế 24/24 giờ
- c. Bệnh nhân đang sốc nặng không hồi phục
- d. **Bệnh nhân có nguy cơ tử vong trong 24 giờ**
- e. Bệnh nhân có tình trạng rất nặng cần phẫu thuật cấp cứu

Câu 36. Giới hạn an toàn của chỉ số Hemoglobin (Hb) trong máu để đảm bảo hồng cầu cung cấp đủ oxy cho mô là:

- a. Hb >9 g/dL
- b. Hb >9.5 g/dL
- c. **Hb >10 g/dL**
- d. Hb > 10.5 g/dL
- e. Hb > 11 g/dL

Câu 37. Chẩn đoán sớm sốc chấn thương chủ yếu dựa vào:

- a. Định lượng catecholamin trong máu
- b. Đo dung tích hồng cầu

Cách chọn: chọn A →

<input checked="" type="checkbox"/>	A	B	C	D	E
<input type="checkbox"/>	A	B	C	<input checked="" type="checkbox"/>	E

Bỏ A, chọn D →

(KHÔNG ĐƯỢC chọn lại câu đã bỏ)

ĐỀ 1 - THI NGOẠI LẦN 1

Y2- YHDP 2- RHM 2 (NH 2014-2015) NGÀY 20/06/2015 (30 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì, bút xóa và mực đỏ

- c. Đo áp lực oxygen trong máu động mạch
- d. **Biểu hiện lâm sàng của giảm tưới máu mô**
- e. Định lượng acid lactic trong máu

Câu 38. Tiêu điểm trung tâm của sinh lý bệnh học trong sốc chấn thương là:

- a. Giảm cung lượng tim và dẫn mạch
- b. Rối loạn chức năng co bóp cơ tim
- c. Giảm thể tích máu tĩnh mạch về
- d. **Tình trạng thiếu oxy tại chỗ và tế bào**
- e. Gia tăng hoạt tính giao cảm thượng thận

Câu 39. Bệnh nhân bị mất từ 15% đến 30% thể tích máu là mất máu độ mấy:

- a. Độ I
- b. **Độ II**
- c. Độ III
- d. Độ IV
- e. Độ V

Câu 40. Tiêu chuẩn nào sau đây KHÔNG PHẢI là thông số lâm sàng để đánh giá tình trạng tưới máu mô:

- a. Tri giác bình thường
- b. Nhịp mạch bình thường
- c. Lượng nước tiểu/ giờ phù hợp
- d. **Nhịp thở bình thường**
- e. Da hồng, ấm

Câu 41. Dung dịch được xử trí ban đầu trong hồi sức sốc chấn thương là:

- a. Hồng cầu lắng
- b. Dung dịch keo
- c. Dung dịch đường
- d. **Dung dịch điện giải**
- e. Huyết tương

Câu 42. Trong trường hợp cần truyền máu khẩn cấp mà không có đủ thời gian để chuẩn bị. Nhóm máu nào có thể được dùng để truyền ngay:

- a. **Nhóm O**
- b. Nhóm A
- c. Nhóm B
- d. Nhóm AB
- e. Có thể dùng bất kỳ nhóm máu nào

Câu 43. Mục tiêu của hồi sức ban đầu là:

- a. Không chế máu chảy càng nhanh càng tốt
- b. Bồi hoàn khối lượng máu mất càng nhiều càng tốt
- c. **Tái lập tưới máu tạng, cung cấp đủ oxy cho tế bào**
- d. Giữ cho thân nhiệt bệnh nhân ổn định, không bị hạ thân nhiệt

Cách chọn: chọn A →

<input checked="" type="checkbox"/>	A	B	C	D	E
<input type="checkbox"/>	A	B	C	<input checked="" type="checkbox"/>	E

Bỏ A, chọn D →

(KHÔNG ĐƯỢC chọn lại câu đã bỏ)

ĐỀ 1 - THI NGOẠI LẦN 1

Y2- YHDP 2- RHM 2 (NH 2014-2015) NGÀY 20/06/2015 (30 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì, bút xóa và mực đỏ

e. Giữ cho tri giác bệnh nhân tỉnh táo, không bị hôn mê

Câu 44. Mục tiêu hồi sức sốc chấn thương giai đoạn sớm và muộn dựa vào các tiêu chí:

- a. Mạch, HA, khí máu động mạch, SpO₂, lượng máu mất
- b. Mạch, HA, lactate máu, SpO₂, lượng máu mất, Hct.
- c. **Mạch, HA, lactate máu, cung lượng tim, khí máu động mạch, Hct.**
- d. Mạch, HA, SpO₂, cung lượng tim, lượng máu mất, Hct.
- e. Mạch, HA, lactate máu, khí máu động mạch, lượng máu mất, Hct.

Câu 45. Nguyên nhân thường gặp của sốc chấn thương là:

- a. Sốc tim
- b. Sốc thần kinh
- c. Sốc do tái phân bố
- d. **Sốc mất máu**
- e. Sốc nhiễm trùng

Câu 46. Đáp ứng đầu tiên về nội tiết và biến dưỡng đối với tình trạng giảm thể tích là:

- a. Giảm tiết hormon chống lợi niệu
- b. Giảm giải phóng insulin
- c. **Tăng giải phóng catecholamine**
- d. Giảm tiết angiotensin
- e. Tăng ly giải protein

Câu 47. Về mặt ý nghĩa, chỉ số INR tương đương với:

- a. TS
- b. TC
- c. **PT**
- d. APTT
- e. PLT

Câu 48. Trong quá trình đông máu, Thrombine có vai trò:

- a. Hoạt hóa đông máu nội sinh
- b. Hoạt hóa đông máu ngoại sinh
- c. Biến Plasminogen thành Plasmin
- d. **Biến Fibrinogen thành Fibrin**
- e. Tăng huy động tiểu cầu tham gia đông máu

Câu 49. Một bệnh nhân thiếu yếu tố XIII bẩm sinh sẽ có kết quả XN như thế nào?

- a. TQ tăng, TCK bình thường, TT bình thường
- b. TQ tăng, TCK tăng, TT bình thường
- c. TQ bình thường, TCK tăng, TT bình thường
- d. **TQ bình thường, TCK bình thường, TT bình thường**
- e. TQ tăng, TCK tăng, TT tăng

Câu 50. Trong quá trình đông máu, Plasmin có vai trò:

- a. Hoạt hóa đông máu nội sinh

Cách chọn: chọn A →

<input checked="" type="checkbox"/>	B	C	D	E
<input type="checkbox"/>	B	C	<input checked="" type="checkbox"/>	E

Bỏ A, chọn D →

(KHÔNG ĐƯỢC chọn lại câu đã bỏ)

ĐỀ 1 - THI NGOẠI LẦN 1

Y2- YHDP 2- RHM 2 (NH 2014-2015) NGÀY 20/06/2015 (30 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì, bút xóa và mực đỏ

- b. Hoạt hóa đông máu ngoại sinh
- c. Biến Fibrinogen → Fibrin
- d. **Tiêu sợi huyết**
- e. Co cục huyết khối đỏ

Câu 51. Trên lâm sàng, D-dimer thường được dùng để:

- a. Phát hiện rối loạn đông máu nội sinh
- b. Phát hiện rối loạn đông máu ngoại sinh
- c. Phát hiện và tiên lượng phù phổi cấp
- d. Đánh giá tiên lượng sau hồi sức tim phổi
- e. **Phát hiện thuyên tắc mạch do huyết khối**

Câu 52. Các nguyên nhân sau gây nên tình trạng tăng tạo huyết khối , NGOẠI TRỪ:

- a. Thiếu yếu tố AT III
- b. **Thiếu yếu tố VIII**
- c. Thiếu protein S
- d. Thiếu protein C
- e. Tăng số lượng tiểu cầu

Câu 53. Kết quả XN đông cầm máu nào sau đây phù hợp với bệnh nhân Hemophilia A

- a. **TQ: 12 giây, TCK: 120 giây**
- b. TQ: 35 giây, TCK: 32 giây
- c. TQ: 30 giây, TCK: 110 giây
- d. TQ: 13 giây, TCK: 35 giây
- e. TQ: 10 giây, TCK: 25 giây

Câu 54. Kết quả XN đông cầm máu nào sau đây phù hợp với bệnh nhân Hemophilia B:

- a. **TQ: 12 giây, TCK: 120 giây**
- b. TQ: 35 giây, TCK: 32 giây
- c. TQ: 30 giây, TCK: 110 giây
- d. TQ: 13 giây, TCK: 35 giây
- e. TQ: 10 giây, TCK: 25 giây

Câu 55. Kết quả xét nghiệm đông cầm máu nào sau đây phù hợp với bệnh nhân thiếu yếu tố VII bẩm sinh:

- a. TQ: 12 giây, TCK: 120 giây
- b. **TQ: 35 giây, TCK: 32 giây**
- c. TQ: 30 giây, TCK: 110 giây
- d. TQ: 13 giây, TCK: 35 giây
- e. TQ: 10 giây, TCK: 25 giây

Câu 56. Kết quả xét nghiệm đông cầm máu nào sau đây phù hợp với bệnh nhân tắc mạch kéo dài (thiếu vitamin K)

- a. TQ: 12 giây, TCK: 120 giây
- b. TQ: 35 giây, TCK: 32 giây
- c. **TQ: 30 giây, TCK: 110 giây**

Cách chọn: chọn A →

<input checked="" type="checkbox"/>	B	C	D	E
<input type="checkbox"/>	B	C	<input checked="" type="checkbox"/>	E

Bỏ A, chọn D →

(KHÔNG ĐƯỢC chọn lại câu đã bỏ)

ĐỀ 1 - THI NGOẠI LẦN 1

Y2- YHDP 2- RHM 2 (NH 2014-2015) NGÀY 20/06/2015 (30 PHÚT)

Chọn một câu phù hợp nhất. Không dùng bút chì, bút xóa và mực đỏ

d. TQ: 13 giây, TCK: 35 giây

e. TQ: 10 giây, TCK: 25 giây

Câu 57. Trong những bất thường liên quan đến rối loạn đông cầm máu, bất thường nào sau đây không thể phát hiện bằng những xét nghiệm đông cầm máu cơ bản :

a. Bệnh nhân bị Hemophilia

b. Bệnh nhân bị xuất huyết giảm tiểu cầu

c. **Bệnh nhân đang dùng thuốc kháng kết tập tiểu cầu**

d. Bệnh nhân đang dùng thuốc kháng vitamin K

e. Bệnh nhân bị suy gan hoặc xơ gan

Câu 58. Trong các yếu tố đông máu do gan tổng hợp, yếu tố nào KHÔNG phụ thuộc vitamin K:

a. II

b. V

c. VII

d. IX

e. X

Câu 59. Ở bệnh nhân không có tiền sử rối loạn đông máu, cần làm những xét nghiệm tầm soát trước mổ sau, NGOẠI TRỪ:

a. Thời gian máu chảy

b. **Định lượng Fibrinogen**

c. Thời gian Quick (TQ hay PT)

d. Thời gian Cephalin-Kaolin (TCK hay aPTT)

e. Số lượng tiểu cầu

Câu 60. Ngoại khoa khác với nội khoa ở đặc điểm sau:

a. Bệnh nhân được điều trị ngoại trú

b. **Thầy thuốc phải bộc lộ các thương tổn ra ngoài để xử lý**

c. Điều trị các bệnh liên quan đến những bộ phận bên ngoài cơ thể

d. Chỉ dùng các dụng cụ, phương tiện phẫu thuật, không cần thuốc men

e. Tất cả các bệnh điều trị ngoại khoa thì không cần dùng nội khoa hỗ trợ

=====

Cách chọn: chọn A →

<input checked="" type="checkbox"/>	B	C	D	E
<input type="checkbox"/>	B	C	<input checked="" type="checkbox"/>	E

Bỏ A, chọn D →

(KHÔNG ĐƯỢC chọn lại câu đã bỏ)